

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ƯDCNTT  
CỦA CÁC CƠ QUAN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 11/TB-HĐTD

Số: ..16.....  
Ngày: 05/01/18.

**ĐẾN**

Chuyển: .....

**Kết**

Khánh Hoà, ngày 03 tháng 01 năm 2018

**THÔNG BÁO**

**Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2017**

Thực hiện Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa;

Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin thông báo kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2017, cụ thể như sau:

**A. KẾT QUẢ XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2017**

**I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

**I.1. Xếp hạng Mức độ ứng dụng CNTT**

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Sở Thông tin và Truyền thông	992/1000	99.2%	Tốt
2	Thanh tra tỉnh	745/825	90.4%	Tốt
3	Sở Ngoại vụ	840/935	89.9%	Tốt
4	Sở Văn hóa và Thể thao	896/1000	89.6%	Tốt
5	Sở Khoa học và Công nghệ	888/1000	88.8%	Tốt
6	Sở Tài chính	885/1000	88.5%	Tốt
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	885/1000	88.5%	Tốt
8	Sở Nội vụ	859/1000	85.9%	Tốt
9	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	716/840	85.3%	Tốt
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	842/1000	84.2%	Khá
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	826/1000	82.6%	Khá



TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
12	BQL Khu kinh tế Vân Phong	823/1000	82.3%	Khá
13	Sở Công Thương	812/1000	81.2%	Khá
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	803/1000	80.3%	Khá
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	772/1000	77.2%	Khá
16	Sở Tư pháp	747/1000	74.7%	Khá
17	Sở Giao thông Vận tải	726/1000	72.6%	Khá
18	Sở Xây dựng	712/1000	71.2%	Khá
19	Sở Y tế	711/1000	71.1%	Khá
20	Ban Dân tộc	559/795	70.3%	Khá
21	Sở Du lịch	512/1000	51.2%	Trung bình
22	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	402/795	50.6%	Trung bình

## I.2. Xếp hạng các nội dung thành phần

### I.2.1. Trang thông tin điện tử

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	-	-	-
2	Sở Thông tin và Truyền thông	100/100	100%	Tốt
3	Sở Tài chính	100/100	100%	Tốt
4	Sở Công Thương	99/100	99%	Tốt
5	Sở Văn hóa và Thể thao	99/100	99%	Tốt
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	96/100	96%	Tốt
7	Thanh tra tỉnh	91/95	96%	Tốt
8	Sở Khoa học và Công nghệ	94/100	94%	Tốt
9	Sở Ngoại vụ	87/95	92%	Tốt
10	Sở Giao thông vận tải	91/100	91%	Tốt
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	91/100	91%	Tốt
12	Sở Tư pháp	90/100	90%	Tốt
13	BQL Khu kinh tế Vân Phong	90/100	90%	Tốt
14	Sở Nội vụ	90/100	90%	Tốt
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	88/100	88%	Tốt
16	Sở Xây dựng	88/100	88%	Tốt
17	Sở Y tế	88/100	88%	Tốt
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	87/100	87%	Tốt

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	84/100	84%	Khá
20	Ban Dân tộc	71/95	75%	Khá
21	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	69/95	73%	Khá
22	Sở Du lịch	31/100	31%	Yếu

### I.2.2. An toàn thông tin số

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Sở Thông tin và Truyền thông	100/100	100%	Tốt
2	Thanh tra tỉnh	95/100	95%	Tốt
3	BQL Khu kinh tế Vân Phong	95/100	95%	Tốt
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	90/100	90%	Tốt
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/100	90%	Tốt
6	Sở Khoa học và Công nghệ	90/100	90%	Tốt
7	Sở Tư pháp	90/100	90%	Tốt
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	90/100	90%	Tốt
9	Ban Dân tộc	90/100	90%	Tốt
10	Sở Văn hóa và Thể thao	90/100	90%	Tốt
11	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	90/100	90%	Tốt
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	85/100	85%	Tốt
13	Sở Giao thông vận tải	85/100	85%	Tốt
14	Sở Y tế	85/100	85%	Tốt
15	Sở Công Thương	85/100	85%	Tốt
16	Sở Ngoại vụ	85/100	85%	Tốt
17	Sở Nội vụ	80/100	80%	Khá
18	Sở Xây dựng	80/100	80%	Khá
19	Sở Tài chính	80/100	80%	Khá
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	80/100	80%	Khá
21	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	50/100	50%	Trung bình
22	Sở Du lịch	40/100	40%	Yếu

## II. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

### II.1. Xếp hạng Mức độ ứng dụng CNTT

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	UBND huyện Khánh Vĩnh	949/1000	94,9%	Tốt
2	UBND thành phố Cam Ranh	907/1000	90,7%	Tốt
3	UBND huyện Cam Lâm	832/1000	83,2%	Khá
4	UBND thị xã Ninh Hòa	828/1000	82,8%	Khá
5	UBND huyện Vạn Ninh	825/1000	82,5%	Khá
6	UBND huyện Diên Khánh	821/1000	82,1%	Khá
7	UBND thành phố Nha Trang	816/1000	81,6%	Khá
8	UBND huyện Khánh Sơn	796/1000	79,6%	Khá

### II.2. Xếp hạng các nội dung thành phần

#### II.2.1. Công thông tin điện tử

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	UBND thành phố Cam Ranh	100/100	100%	Tốt
2	UBND huyện Khánh Vĩnh	98/100	98%	Tốt
3	UBND thành phố Nha Trang	96/100	96%	Tốt
4	UBND huyện Vạn Ninh	96/100	96%	Tốt
5	UBND huyện Diên Khánh	95/100	95%	Tốt
6	UBND thị xã Ninh Hòa	94/100	94%	Tốt
7	UBND huyện Cam Lâm	83/100	83%	Khá
8	UBND huyện Khánh Sơn	79/100	79%	Khá

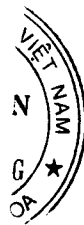
#### II.2.2. Xếp hạng An toàn thông tin số

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	UBND huyện Vạn Ninh	100/100	100%	Tốt
2	UBND huyện Diên Khánh	95/100	95%	Tốt
3	UBND huyện Khánh Vĩnh	90/100	90%	Tốt
4	UBND thành phố Nha Trang	90/100	90%	Tốt
5	UBND thành phố Cam Ranh	90/100	90%	Tốt
6	UBND huyện Khánh Sơn	80/100	80%	Khá
7	UBND huyện Cam Lâm	80/100	80%	Khá
8	UBND thị xã Ninh Hòa	50/100	50%	Trung bình

**B. KẾT QUẢ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2017**

**I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Trong đó						
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Chính sách và đầu tư	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	Điểm cộng
1	Sở Thông tin và Truyền thông	992	60	55	551	75	100	100	51
2	Thanh tra tỉnh	745	60	50	316	120	91	95	13
3	Sở Ngoại vụ	840	60	55	413	120	87	85	20
4	Sở Văn hóa và Thể thao	896	60	55	445	120	99	90	27
5	Sở Khoa học và Công nghệ	888	60	55	445	120	94	90	24
6	Sở Tài chính	885	60	45	445	120	100	80	35
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	885	60	50	458	120	91	80	26
8	Sở Nội vụ	859	60	45	429	120	90	80	35
9	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	716	60	55	385	120	-	90	6
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	842	60	45	423	100	84	90	40
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	826	60	55	365	120	88	85	53
12	BQL Khu kinh tế Vân Phong	823	60	55	389	120	90	95	14
13	Sở Công Thương	812	60	55	393	115	99	85	5
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	803	60	55	387	120	87	90	4
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	772	60	55	318	120	96	90	33
16	Sở Tư pháp	747	30	45	361	120	90	90	11
17	Sở Giao thông vận tải	726	60	45	300	120	91	85	25
18	Sở Xây dựng	712	60	45	328	100	88	80	11
19	Sở Y tế	711	30	25	336	120	88	85	27
20	Ban Dân tộc	559	30	55	208	100	71	90	5
21	Sở Du lịch	512	30	40	266	100	31	40	5
22	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	402	30	55	151	40	69	50	7



## II. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Trong đó						Điểm cộng
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Đầu tư và chính sách	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	
1	UBND huyện Khánh Vĩnh	949	70	60	496	110	98	90	25
2	UBND thành phố Cam Ranh	907	70	65	453	110	100	90	19
3	UBND huyện Cam Lâm	832	68	55	431	110	83	80	5
4	UBND thị xã Ninh Hòa	828	70	55	444	110	94	50	5
5	UBND huyện Vạn Ninh	825	70	50	390	110	96	100	9
6	UBND huyện Diên Khánh	821	70	55	411	80	95	95	15
7	UBND thành phố Nha Trang	816	70	55	382	110	96	90	13
8	UBND huyện Khánh Sơn	796	70	40	402	110	79	80	15

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ban TĐKT tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- TV HĐĐT, Tổ giúp việc;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
Nguyễn Thị Trung Thu**